

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ**  
**HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

## **MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b> |
|--|--------------|
| 1. Mục lục   | 1            |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị   | 2 - 4        |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 5 - 6        |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015   | 7 - 10       |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11           |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015           | 12 - 13      |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015    | 14 - 42      |
| 8. Phụ lục   | 43 - 45      |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hợp tác Lao động với nước ngoài phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 (số cũ 4103007131) ngày 27 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 8 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đăng ký thêm 06 chi nhánh tại Việt Nam.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 39 433 770
- Fax : (08) 39 433 778

### **Các đơn vị trực thuộc:**

| <u>Tên đơn vị</u>  | <u>Địa chỉ</u>  |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An           | Số 62, đường Trần Quốc Toàn, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng         | Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng            |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Quảng Ninh        | Số 11, đường Lê Thánh Tôn, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh   |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Thanh Hóa         | Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa   |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Số 49, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu                               |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội            | Phòng 206, Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: Đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;
- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhớt;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm             |
|----------------------|----------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2007    |
| Ông Trần Việt Điền   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012    |
| Ông Lê Văn Đức       | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2015   |
| Bà Trần Thị Cẩm Hà   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2007    |
| Bà Vũ Thị Phương Mai | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013    |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|-----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Vũ Hồng Thanh     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2007 |
| Ông Võ Lê Anh Dũng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014 |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Đào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2008 |

**Ban Tổng Giám đốc**

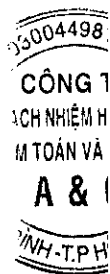
| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Việt Điền  | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2012   |
| Ông Lê Văn Đức      | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2015 |
| Bà Trần Thị Cẩm Hà  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2012   |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2012   |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Việt Điền – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2012).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ông Nguyễn Ngọc Minh  
Chủ tịch

Ngày 07 tháng 4 năm 2016





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0604/2016/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.


**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau:


- Thuyết minh số VIII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về khả năng hoạt động liên tục. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty tiếp tục bị lỗ 76.430.685.944 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 318.187.578.064 VND, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu là 225.164.200.267 VND. Đồng thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 556.153.375.032 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
- Thuyết minh số VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về việc chia cổ tức. Căn cứ theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 08 tháng 9 năm 2015, Công ty đã ghi nhận cổ tức phải trả năm 2009 và năm 2010 cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vào Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 4.692.000.000 VND. Đồng thời, Công ty tiếp tục ghi nhận cổ tức còn lại phải trả của năm 2009, 2010 và số cổ tức còn phải trả năm 2008 cho các cổ đông còn lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 4.508.000.000 VND. Đến thời điểm kiểm toán Công ty đã chi gần hết số cổ tức đã trích này (số còn chưa chi là 1.154.839.620 VND). Việc chia cổ tức khi Công ty đang có lỗ lũy kế lớn và khả năng thanh toán không đảm bảo là chưa phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



  
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2016

  
Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2013-008-1

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>93.145.373.142</b> | <b>65.290.476.599</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>53.091.703.274</b> | <b>29.441.446.632</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 53.091.703.274        | 29.441.446.632        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>17.625.611.041</b> | <b>19.004.867.218</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 6.016.306.078         | 12.307.630.234        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 1.920.245.328         | 628.937.896           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4         | 11.182.207.206        | 7.561.446.659         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (1.493.147.571)       | (1.493.147.571)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>14.064.906.141</b> | <b>8.748.485.264</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 14.064.906.141        | 8.748.485.264         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>8.363.152.686</b>  | <b>8.095.677.485</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 4.957.006.169         | 4.297.452.545         |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 3.196.120.792         | 3.645.309.124         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.15        | 210.025.725           | 152.915.816           |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>793.417.073.645</b> | <b>883.371.120.899</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc       | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>740.501.959.935</b> | <b>825.384.206.368</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 732.303.381.735        | 817.185.628.168        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 1.298.704.428.101      | 1.298.824.190.601      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (566.401.046.366)      | (481.638.562.433)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 8.198.578.200          | 8.198.578.200          |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 8.198.578.200          | 8.198.578.200          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>52.556.750</b>      | <b>52.556.750</b>      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.10        | 52.556.750             | 52.556.750             |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> |             | <b>22.060.469.900</b>  | <b>21.566.377.900</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.11b       | 14.000.000.000         | 14.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.11b       | 18.148.410.000         | 18.148.410.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.11b       | (10.157.940.100)       | (10.652.032.100)       |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.11a       | 70.000.000             | 70.000.000             |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>30.802.087.060</b>  | <b>36.367.979.881</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 30.802.087.060         | 36.367.979.881         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>886.562.446.787</b> | <b>948.661.597.498</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              |                          |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.111.726.647.054</b> | <b>1.092.887.111.821</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>649.298.748.174</b>   | <b>536.811.395.181</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 74.027.137.813           | 74.044.512.348           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 9.728.364.677            | 6.707.438.337            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 918.674.032              | 915.109.767              |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 3.637.090.976            | 12.818.041.945           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 282.479.813.493          | 226.840.022.094          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                        | -                        |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17        | 50.759.559.594           | 54.373.643.101           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.18a       | 225.574.400.000          | 158.899.820.000          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                        | -                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.19        | 2.173.707.589            | 2.212.807.589            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                        | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>462.427.898.880</b>   | <b>556.075.716.640</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                        | -                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                        | -                        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.18b       | 462.427.898.880          | 556.075.716.640          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                        | -                        |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                        | -                        |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                        | -                        |



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**


Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                              | <b>400</b> |             | <b>(225.164.200.267)</b> | <b>(144.225.514.323)</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>(225.164.200.267)</b> | <b>(144.225.514.323)</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.20        | 88.000.000.000           | 88.000.000.000           |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 88.000.000.000           | 88.000.000.000           |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.20        | 5.023.377.797            | 5.023.377.797            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.20        | (318.187.578.064)        | (237.248.892.120)        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (241.756.892.120)        | (237.248.892.120)        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (76.430.685.944)         | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Nguồn kinh phí  | 432        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 433        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>886.562.446.787</b>   | <b>948.661.597.498</b>   |

  
 Nguyễn Thị Kim Oanh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thu Oanh  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Việt Điền  
 Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

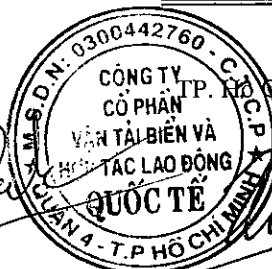
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND        |                         |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|  |       |             | Năm nay                 | Năm trước               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 302.516.841.240         | 342.437.916.524         |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                       | -                       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 302.516.841.240         | 342.437.916.524         |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 306.794.884.250         | 367.401.680.205         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | (4.278.043.010)         | (24.963.763.681)        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 4.532.397.375           | 2.778.225.128           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 65.945.808.740          | 57.585.941.502          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 54.432.599.520          | 57.084.091.558          |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 6.623.605.756           | 6.284.494.860           |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 4.056.434.062           | 15.864.051.036          |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | (76.371.494.193)        | (101.920.025.951)       |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 620.589.317             | 24.641.669.164          |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 679.781.068             | 1.198.402.572           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (59.191.751)            | 23.443.266.592          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | (76.430.685.944)        | (78.476.759.359)        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.15        | -                       | -                       |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                       | -                       |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>(76.430.685.944)</u> | <u>(78.476.759.359)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        |                         |                         |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.9        |                         |                         |

Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh  
Kế toán trưởng

Trần Việt Điền  
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                       |                       |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 312.573.742.094       | 348.290.419.157       |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (163.378.961.874)     | (240.395.084.943)     |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (37.073.204.412)      | (38.280.772.909)      |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        | V.16; VI.4  | (103.591.380)         | (521.451.111)         |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |             | -                     | -                     |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 447.066.904.352       | 182.033.567.725       |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (489.039.359.817)     | (202.774.055.896)     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>70.045.528.963</b> | <b>48.352.622.023</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                       |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.8         | (243.500.000)         | (314.000.000)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                     | 20.396.160.000        |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                     | -                     |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                     | -                     |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | -                     | -                     |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                     | -                     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | VI.3        | 287.198.000           | 295.337.200           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>43.698.000</b>     | <b>20.377.497.200</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**


Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                       | 1.003.200.000           |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.18a, b    | (38.383.679.800)        | (52.256.520.000)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | (8.045.160.380)         | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(46.428.840.180)</b> | <b>(51.253.320.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>23.660.386.783</b>   | <b>17.476.799.223</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>29.441.446.632</b>   | <b>11.378.662.588</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (10.130.141)            | 585.984.821             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>53.091.703.274</b>   | <b>29.441.446.632</b>   |

  
 Nguyễn Thị Kim Oanh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thu Oanh  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Việt Điền  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2016

# TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại – dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhờn...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistic có trụ sở chính tại số 126, đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là: Dịch vụ vận chuyển nâng hạ container; dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đóng hàng; dịch vụ cho thuê kho, bãi; dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container và các dịch vụ khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị   | Địa chỉ   |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An           | Số 62, đường Trần Quốc Toản, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng         | Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng            |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Quảng Ninh        | Số 11, đường Lê Thánh Tôn, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh   |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Thanh Hóa         | Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa   |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Số 49, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu                               |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội            | Phòng 206, Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.213 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.152 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

**6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Chi phí bảo hiểm tàu***

Chi phí bảo hiểm tàu được phân bổ theo kỳ hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

***Công cụ, dụng cụ trên tàu***

Các công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm tùy theo thời gian sử dụng.

***Chi phí sửa chữa tài sản***

Chi phí sửa chữa là toàn bộ chi phí phát sinh sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ trong vòng 2,5 năm.

**8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



# TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 25       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 12       |

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 - 38 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

# TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

**17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

# TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

#### 21. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 1.459.613.488                | 1.748.308.395                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 51.632.089.786               | 27.693.138.237               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>53.091.703.274</u></b> | <b><u>29.441.446.632</u></b> |

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                         | <b>43.191.340</b>           | <b>43.191.340</b>            |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam                            | 43.191.340                  | 43.191.340                   |
| <i>Phải thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu, vận tải</i>    | <b>1.169.141.616</b>        | <b>6.672.276.309</b>         |
| Crossland Marketing Pte. - Khách hàng thuê tàu Accord     | 524.667.950                 | 5.552.755.156                |
| Ocean Eleven Shipping Corp - Khách hàng thuê tàu Thanh Ba | 583.690.571                 | 188.047.025                  |
| Các khách hàng khác                                       | 60.783.095                  | 931.474.128                  |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                       | <b>4.803.973.122</b>        | <b>5.592.162.585</b>         |
| Công ty Vận tải biển Minh Hưng                            | 1.058.344.900               | 798.815.220                  |
| Các khách hàng khác                                       | 3.745.628.222               | 4.793.347.365                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>6.016.306.078</u></b> | <b><u>12.307.630.234</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Đài Duyên Hải TP. Hồ Chí Minh                         | -                           | 172.106.490               |
| Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Sài Gòn Cừu Long         | 80.418.800                  | 90.662.000                |
| Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ kỹ thuật hàng hải | -                           | 120.000.000               |
| Công ty Dịch vụ Vận tải biển Vũng Tàu                 | 36.630.483                  | 86.841.115                |
| PVI Duyên Hải   | 1.615.904.486               | -                         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải Đăng        | -                           | 23.875.478                |
| Trả trước cho người bán khác                          | 187.291.559                 | 135.452.813               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.920.245.328</u></b> | <b><u>628.937.896</u></b> |

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            |                               | <u>Số đầu năm</u>           |                               |
|---|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
|   | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u>               | <u>Giá trị</u>              | <u>Dự phòng</u>               |
| Các khoản thu hộ liên quan đến hoạt động tàu biển | 6.929.765.393                | -                             | 2.026.954.579               | -                             |
| Tạm ứng   | 1.978.914.341                | (131.151.222)                 | 1.813.694.529               | (131.151.222)                 |
| Ký quỹ  | 1.025.100.000                | -                             | 1.025.100.000               | -                             |
| Phải thu về cho dịch vụ khác                      | 1.248.427.472                | (1.361.996.349)               | 2.695.697.551               | (1.361.996.349)               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>11.182.207.206</u></b> | <b><u>(1.493.147.571)</u></b> | <b><u>7.561.446.659</u></b> | <b><u>(1.493.147.571)</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**5. Nợ xấu**

|  | Thời gian<br>quá hạn | Số cuối năm          |                           | -          | Số đầu năm           |                           |  |
|--|----------------------|----------------------|---------------------------|------------|----------------------|---------------------------|--|
|  |                      | Giá gốc              | Giá trị có<br>thể thu hồi |            | Giá gốc              | Giá trị có<br>thể thu hồi |  |
| <b>Bên liên quan</b>                         |                      |                      |                           |            |                      |                           |  |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) - | Trên 10 năm          | 43.191.340           | -                         | Trên 9 năm | 43.191.340           | -                         |  |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>           |                      |                      |                           |            |                      |                           |  |
| Công ty TNHH Vận tải biển Lam Kinh – Tiền    | Trên 7 năm           | 1.294.880.755        | -                         | Trên 6 năm | 1.294.880.755        | -                         |  |
| Ông Phạm Quốc Hiến -                         | Trên 6 năm           | 131.151.222          | -                         | Trên 5 năm | 131.151.222          | -                         |  |
| Công ty TNHH NNT -                           | Trên 10 năm          | 19.346.275           | -                         | Trên 9 năm | 19.346.275           | -                         |  |
| Tiền cung cấp dịch vụ                        |                      |                      |                           |            |                      |                           |  |
| G.B.B.H.CO - Tiền                            | Trên 10 năm          | 1.879.500            | -                         | Trên 9 năm | 1.879.500            | -                         |  |
| cung cấp dịch vụ                             |                      |                      |                           |            |                      |                           |  |
| Liên doanh Ahler -                           | Trên 10 năm          | 2.698.478            | -                         | Trên 9 năm | 2.698.478            | -                         |  |
| Tiền cung cấp dịch vụ                        |                      |                      |                           |            |                      |                           |  |
| <b>Cộng</b>                                  |                      | <b>1.493.147.571</b> | <b>-</b>                  |            | <b>1.493.147.571</b> | <b>-</b>                  |  |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 1.493.147.571        | 1.148.922.843        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                    | 344.224.728          |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.493.147.571</b> | <b>1.493.147.571</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                  | Số cuối năm           |          | - | Số đầu năm           |          |
|------------------|-----------------------|----------|---|----------------------|----------|
|                  | Giá gốc               | Dự phòng |   | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu  | 13.982.124.141        | -        |   | 8.702.988.264        |          |
| Công cụ, dụng cụ | 82.782.000            | -        |   | 45.497.000           |          |
| <b>Cộng</b>      | <b>14.064.906.141</b> | <b>-</b> |   | <b>8.748.485.264</b> |          |

Công ty không có hàng tồn kho chậm luân chuyển và Công ty cũng không dùng hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay.

**7. Chi phí trả trước**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                           | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm tàu      | 2.499.915.544        | 2.216.642.637        |
| Công cụ, dụng cụ trên tàu | 2.444.868.679        | 2.065.351.381        |
| Chi phí khác              | 12.221.946           | 15.458.527           |
| <b>Cộng</b>               | <b>4.957.006.169</b> | <b>4.297.452.545</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                          | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 14.018.897.373        | 10.320.729.985        |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 16.783.189.687        | 26.047.249.896        |
| <b>Cộng</b>              | <b>30.802.087.060</b> | <b>36.367.979.881</b> |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|   | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ quản<br>lý | Cộng                     |
|---|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                           |                           |                                    |                                 |                          |
| Số đầu năm                                  | 15.910.744.401            | 1.282.180.763.365                  | 732.682.835                     | 1.298.824.190.601        |
| Mua sắm mới                                 | -                         | 243.500.000                        | -                               | 243.500.000              |
| Giảm tài sản hư hỏng                        | -                         | (363.262.500)                      | -                               | (363.262.500)            |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>15.910.744.401</b>     | <b>1.282.061.000.865</b>           | <b>732.682.835</b>              | <b>1.298.704.428.101</b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                           |                                    |                                 |                          |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | -                         | 1.857.016.545                      | 299.734.180                     | 2.156.750.725            |
| Chờ thanh lý                                | -                         | -                                  | -                               | -                        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                           |                                    |                                 |                          |
| Số đầu năm                                  | 4.248.015.048             | 476.834.654.898                    | 555.892.487                     | 481.638.562.433          |
| Khấu hao trong năm                          | 1.063.533.620             | 83.880.194.137                     | 69.382.276                      | 85.013.110.033           |
| Giảm tài sản hư hỏng                        | -                         | (250.626.100)                      | -                               | (250.626.100)            |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>5.311.548.668</b>      | <b>560.464.222.935</b>             | <b>625.274.763</b>              | <b>566.401.046.366</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                           |                                    |                                 |                          |
| Số đầu năm                                  | 11.662.729.353            | 805.346.108.467                    | 176.790.348                     | 817.185.628.168          |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>10.599.195.733</b>     | <b>721.596.777.930</b>             | <b>107.408.072</b>              | <b>732.303.381.735</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                            |                           |                                    |                                 |                          |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng                    | -                         | -                                  | -                               | -                        |
| Đang chờ thanh lý                           | -                         | -                                  | -                               | -                        |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 718.501.700.823 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải phòng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.18b).

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 - 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18b).

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****11. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính này của Công ty như sau:

**11a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư quốc gia.

**11b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Số cuối năm           |                         | Số đầu năm            |                         |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|  | Giá gốc               | Dự phòng                | Giá gốc               | Dự phòng                |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                              | <b>14.000.000.000</b> | -                       | <b>14.000.000.000</b> | -                       |
| Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistic <sup>(1)</sup> | 14.000.000.000        | -                       | 14.000.000.000        | -                       |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                      | <b>18.148.410.000</b> | <b>(10.157.940.100)</b> | <b>18.148.410.000</b> | <b>(10.652.032.100)</b> |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam         | 11.278.410.000        | (4.897.940.100)         | 11.278.410.000        | (6.642.032.100)         |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam                      | 5.870.000.000         | (5.060.000.000)         | 5.870.000.000         | (4.010.000.000)         |
| Công ty Cổ phần Vinalines Logistics                        | 1.000.000.000         | (200.000.000)           | 1.000.000.000         | -                       |
| <b>Cộng</b>  | <b>32.148.410.000</b> | <b>(10.157.940.100)</b> | <b>32.148.410.000</b> | <b>(10.652.032.100)</b> |

<sup>(1)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0204000468 ngày 01 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistics 14.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty con**

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                    | Năm nay               | Năm trước             |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm         | 10.652.032.100        | 14.534.379.200        |
| Hoàn nhập dự phòng | (494.092.000)         | (3.882.347.100)       |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>10.157.940.100</b> | <b>10.652.032.100</b> |

**Giao dịch với công ty con**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistic - công ty con như sau:

|  | Năm nay     | Năm trước   |
|--|-------------|-------------|
| Nhờ chi hộ                                       | 54.653.000  | 163.523.616 |
| Thu hộ về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ủng hộ bảo lụt | 132.509.344 | 770.795.217 |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 317.603.492.976 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

|             |                        |
|-------------|------------------------|
| 2012        | 36.430.950.879         |
| 2013        | 125.682.561.594        |
| 2014        | 78.772.096.559         |
| 2015        | 76.717.883.944         |
| <b>Cộng</b> | <b>317.603.492.976</b> |

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                    | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng | 57.973.021.428        | 57.973.021.428        |
| Các nhà cung cấp khác              | 16.054.116.385        | 16.071.490.920        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>74.027.137.813</b> | <b>74.044.512.348</b> |

Công ty có khoản nợ Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng đã quá hạn thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i>          | <i>530.545.732</i>   | <i>608.402.076</i>   |
| Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistic | 530.545.732          | 608.402.076          |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>    | <i>9.197.818.945</i> | <i>6.099.036.261</i> |
| Mitsui OSK Kinkai                           | 7.640.848.809        | -                    |
| Các khách hàng khác                         | 1.556.970.136        | 6.099.036.261        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>9.728.364.677</b> | <b>6.707.438.337</b> |

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|  | <u>Số đầu năm</u>  |                    | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                        | <u>Số cuối năm</u> |                    |
|--|--------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|  | <u>Phải nộp</u>    | <u>Phải thu</u>    | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u>  | <u>Phải nộp</u>    | <u>Phải thu</u>    |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 121.895.578        | -                  | 1.452.535.528                 | (1.448.971.263)        | 125.459.843        | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | -                  | 2.236.720          | -                             | -                      | -                  | 2.236.720          |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | -                  | 143.843.760        | 1.982.129.927                 | (2.039.239.836)        | -                  | 200.953.669        |
| Các loại thuế khác                               | 793.214.189        | -                  | 6.000.000                     | (6.000.000)            | 793.214.189        | -                  |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                  | 6.835.336          | -                             | -                      | -                  | 6.835.336          |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>915.109.767</b> | <b>152.915.816</b> | <b>3.440.665.455</b>          | <b>(3.494.211.099)</b> | <b>918.674.032</b> | <b>210.025.725</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*****Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|   |                    |
|---|--------------------|
| - Dịch vụ cung cấp dầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài | Không phải kê khai |
| - Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế                 | 0%                 |
| - Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên   |                    |
| • Tàu nội   | 10%                |
| • Tàu ngoại   | 0%                 |
| - Các hoạt động khác  | 10%                |

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>   | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | (76.430.685.944) | (78.476.759.359) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | -                | -                |
| Thu nhập chịu thuế   | (76.430.685.944) | (78.476.759.359) |
| Thu nhập được miễn thuế  | (287.198.000)    | (295.337.200)    |
| Thu nhập tính thuế   | (76.717.883.944) | (78.772.096.559) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 22%              | 22%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>-</b>         | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                  | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 279.133.135.280        | 224.804.127.140        |
| Chi phí bảo hiểm | 2.334.703.781          | 2.826.123.799          |
| Chi phí khác     | 1.011.974.432          | (790.228.845)          |
| <b>Cộng</b>      | <b>282.479.813.493</b> | <b>226.840.022.094</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả cho bên liên quan</i>                         | <i>1.491.970.620</i>         | <i>6.183.970.620</i>         |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Phải trả về cổ phần hóa  | 1.491.970.620                | 1.491.970.620                |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Phải trả về cổ tức       | -                            | 4.692.000.000                |
| <i>Phải trả cho tổ chức và cá nhân khác</i>               | <i>49.267.588.974</i>        | <i>48.189.672.481</i>        |
| Kinh phí công đoàn  | 5.726.966.773                | 4.500.446.482                |
| Bảo hiểm xã hội   | 2.093.506.091                | 1.905.807.725                |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn                                      | 136.143.376                  | 204.711.250                  |
| Cổ tức phải trả   | 1.475.676.000                | -                            |
| Phải trả hộ liên quan đến hoạt động cho thuê tàu          | 2.096.524.696                | 6.641.496.127                |
| Phải trả hộ liên quan đến hoạt động xuất khẩu thuyền viên | 25.530.243.587               | 19.549.705.989               |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                          | 12.208.528.451               | 15.387.504.908               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>50.759.559.594</u></b> | <b><u>54.373.643.101</u></b> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay**

**18a. Vay ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay cá nhân   | -                             | 2.541.600.000                 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)                                | 225.574.400.000               | 156.358.220.000               |
| <i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>                        | <i>210.698.000.000</i>        | <i>156.230.000.000</i>        |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> | <i>14.876.400.000</i>         | <i>128.220.000</i>            |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>225.574.400.000</u></b> | <b><u>158.899.820.000</u></b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

|   | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>            |
|---|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| Vay cá nhân   | 2.541.600.000                 | 939.421.800                    | -                                   | -                        | (3.481.021.800)                     | -                             |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | 156.358.220.000               | -                              | 69.704.400.000                      | 2.938.000                | (491.158.000)                       | 225.574.400.000               |
| <i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>                        | <i>156.230.000.000</i>        | <i>-</i>                       | <i>54.828.000.000</i>               | <i>-</i>                 | <i>(360.000.000)</i>                | <i>210.698.000.000</i>        |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> | <i>128.220.000</i>            | <i>-</i>                       | <i>14.876.400.000</i>               | <i>2.938.000</i>         | <i>(131.158.000)</i>                | <i>14.876.400.000</i>         |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>158.899.820.000</u></b> | <b><u>939.421.800</u></b>      | <b><u>69.704.400.000</u></b>        | <b><u>2.938.000</u></b>  | <b><u>(3.972.179.800)</u></b>       | <b><u>225.574.400.000</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18b. Vay dài hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(i)</sup>                         | 279.865.800.000        | 334.693.800.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup> | 182.562.098.880        | 221.381.916.640        |
| <b>Cộng</b>  | <b>462.427.898.880</b> | <b>556.075.716.640</b> |

(i) Các khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đứng ra vay và ủy quyền cho Công ty nhận nợ và giải ngân theo:

- Hợp đồng số 05/2003/HĐTD-TDTW ngày 21 tháng 7 năm 2003 với tổng số tiền vay là 83.300.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu chở hàng Thanh Thủy, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Thanh Thủy (xem thuyết minh số V.8).
- Hợp đồng tín dụng số 01/05/HĐTD-TDTW ngày 14 tháng 4 năm 2005 với tổng số tiền vay 76.416.000.000 VND để phục vụ nhu cầu đầu tư đóng mới tàu Aquamarine, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 144 tháng. Thời hạn trả hết nợ gốc và lãi 132 tháng, bắt đầu từ tháng 3 năm 2006. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Aquamarine (xem thuyết minh số V.8).
- Hợp đồng tín dụng số 12/2010/HĐTDĐT-NHPT.INLACO ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 414.000.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu Inlaco Express, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn 18 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc theo tháng, mức trả 3.285.000.000 VND/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Inlaco Express (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng 01/09/ILCSG-HCM ngày 06 tháng 01 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.667.500,00 USD để mua tàu J.Marion Sun (Tàu Bright) chở hàng rời đã qua sử dụng trọng tải 23.527DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Bright (xem thuyết minh số V.8).

- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng 02/09/ILCSG-HCM ngày 26 tháng 3 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.497.500,00 USD để mua tàu Spring Accord chở hàng rời trọng tải 23.986DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 4%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Spring Accord (xem thuyết minh số V.8).

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1444/HCM-SG-BD ngày 31 tháng 8 năm 2014, quyền sử dụng đất không thời hạn tại số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh cũng được sử dụng để đảm bảo các khoản vay đã có hoặc sẽ có của Công ty ở Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.9).



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|  | <u>Tổng nợ</u>         | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u>     |
|--|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng                        | 490.563.800.000        | 210.698.000.000           | 200.937.800.000             | 78.928.000.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 197.438.498.880        | 14.876.400.000            | 182.562.098.880             | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>688.002.298.880</b> | <b>225.574.400.000</b>    | <b>383.499.898.880</b>      | <b>78.928.000.000</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|  | <u>Số đầu năm</u>      | <u>Chênh lệch tỷ giá</u> | <u>Chuyển sang vay ngắn hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>     |
|--|------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng                        | 334.693.800.000        | -                        | (54.828.000.000)                | -                                   | 279.865.800.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 221.381.916.640        | 10.468.082.240           | (14.876.400.000)                | (34.411.500.000)                    | 182.562.098.880        |
| <b>Cộng</b>  | <b>556.075.716.640</b> | <b>10.468.082.240</b>    | <b>(69.704.400.000)</b>         | <b>(34.411.500.000)</b>             | <b>462.427.898.880</b> |

**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng đã quá hạn gốc và lãi tương ứng tại thời điểm cuối năm là 155.870.000.000 VND và 233.392.420.346 VND.

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh như sau:

|                    | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 2.212.807.589        | 2.240.207.589        |
| Chi quỹ trong năm  | (39.100.000)         | (27.400.000)         |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>2.173.707.589</b> | <b>2.212.807.589</b> |

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|  | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>              |
|--|----------------------------------|------------------------------|--|--------------------------|
| Số đầu năm trước   | 88.000.000.000                   | 5.023.377.797                | (152.348.365.644)                        | (59.324.987.847)         |
| Lợi nhuận trong năm trước  | -                                | -                            | (78.476.759.359)                         | (78.476.759.359)         |
| Chuyển lỗ từ Công ty TNHH Một thành viên Thuyền viên Tàu dầu Inlaco về | -                                | -                            | (1.731.767.117)                          | (1.731.767.117)          |
| Chia cổ tức trong năm trước  | -                                | -                            | (4.692.000.000)                          | (4.692.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>  | <b>88.000.000.000</b>            | <b>5.023.377.797</b>         | <b>(237.248.892.120)</b>                 | <b>(144.225.514.323)</b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

|                           | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát<br>triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                     |
|---------------------------|------------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm nay         | 88.000.000.000               | 5.023.377.797            | (237.248.892.120)                       | (144.225.514.323)        |
| Lợi nhuận trong năm nay   | -                            | -                        | (76.430.685.944)                        | (76.430.685.944)         |
| Chia cổ tức trong năm nay | -                            | -                        | (4.508.000.000)                         | (4.508.000.000)          |
| Số dư cuối năm nay        | <b>88.000.000.000</b>        | <b>5.023.377.797</b>     | <b>(318.187.578.064)</b>                | <b>(225.164.200.267)</b> |

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (đại diện bởi ông Nguyễn Ngọc Minh; ông Nguyễn Hùng Việt; ông Lê Văn Đức) | 44.880.000.000        | 44.880.000.000        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á – Thái Bình Dương (đại diện bởi Ông Nguyễn Đỗ Lăng)                        | 11.984.500.000        | 11.984.500.000        |
| Bà Trần Thị Cẩm Hà   | 272.800.000           | 272.800.000           |
| Vốn góp của các cổ đông khác   | 30.862.700.000        | 30.862.700.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>88.000.000.000</b> | <b>88.000.000.000</b> |

**20c. Cổ phiếu**

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 8.800.000   | 8.800.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Năm trước, Công ty đã trích cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước. Năm nay, Công ty đã trích tiếp phần cổ tức theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11 ngày 18 tháng 12 năm 2014 cho các cổ đông khác với tỷ lệ là 10% trên vốn điều lệ. Đồng thời, Công ty cũng chia nốt 0,5% cổ tức của năm 2008.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 2.147.167,65 USD (số đầu năm là 1.296.531,17 USD).

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải | 259.302.259.489               | 302.662.997.270               |
| Doanh thu dịch vụ đại lý tàu              | 1.723.870.405                 | 823.451.298                   |
| Doanh thu hoạt động xuất khẩu thuyền viên | 40.598.257.130                | 38.101.141.080                |
| Doanh thu các hoạt động khác              | 892.454.216                   | 850.326.876                   |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>302.516.841.240</u></b> | <b><u>342.437.916.524</u></b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải                               | 281.585.050.924               | 338.363.016.288               |
| Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên, đại lý tàu và hoạt động khác | 25.209.833.326                | 29.038.663.917                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>306.794.884.250</u></b> | <b><u>367.401.680.205</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 117.532.655                 | 155.050.885                 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | 287.198.000                 | 295.337.200                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 4.037.368.838               | 1.565.058.937               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 90.297.882                  | 762.778.070                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>4.532.397.375</u></b> | <b><u>2.778.225.128</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 54.432.599.520               | 57.084.091.558               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 11.146.024.182               | 900.300.505                  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ      | 861.277.038                  | 3.483.896.539                |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (494.092.000)                | (3.882.347.100)              |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>65.945.808.740</u></b> | <b><u>57.585.941.502</u></b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí hoa hồng | 6.605.984.506               | 6.354.921.470               |
| Các chi phí khác | 17.621.250                  | (70.426.610)                |
| <b>Cộng</b>      | <b><u>6.623.605.756</u></b> | <b><u>6.284.494.860</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                     | (2.118.810.990)             | 10.214.691.553               |
| Chi phí vật liệu quản lý                  | 422.316.475                 | 517.296.654                  |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                 | 145.521.555                 | 110.498.047                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định          | 1.132.915.896               | 1.132.915.896                |
| Chi phí sửa chữa thường xuyên             | 335.627.825                 | 384.981.929                  |
| Trợ cấp thôi việc                         | 196.918.400                 | 141.863.250                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                 | 643.813.481                 | 860.121.142                  |
| <i>Chi phí điện</i>                       | <i>313.372.905</i>          | <i>304.893.025</i>           |
| <i>Chi phí thông tin liên lạc</i>         | <i>174.809.382</i>          | <i>178.300.963</i>           |
| <i>Các chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i> | <i>155.631.194</i>          | <i>376.927.154</i>           |
| Các chi phí khác                          | 3.298.131.420               | 2.501.682.565                |
| <i>Chi phí hội nghị tiếp khách</i>        | <i>1.834.088.114</i>        | <i>577.632.198</i>           |
| <i>Công tác phí</i>                       | <i>427.947.657</i>          | <i>476.122.092</i>           |
| <i>Thuế, phí và lệ phí</i>                | <i>380.724.349</i>          | <i>187.625.432</i>           |
| <i>Chi phí khác</i>                       | <i>655.371.300</i>          | <i>1.260.302.843</i>         |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>4.056.434.062</u></b> | <b><u>15.864.051.036</u></b> |

**7. Thu nhập khác**

|  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>             |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                         | 17.363.266.479               |
| Thu nhập khác                            | 620.589.317               | 7.278.402.685                |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>620.589.317</u></b> | <b><u>24.641.669.164</u></b> |

**8. Chi phí khác**

|   | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>            |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 111.986.400               | -                           |
| Chi phí khác                            | 567.794.668               | 1.198.402.572               |
| <b>Cộng</b>                             | <b><u>679.781.068</u></b> | <b><u>1.198.402.572</u></b> |

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 81.935.673.734                | 125.975.662.136               |
| Chi phí nhân công                | 40.190.953.278                | 55.380.492.067                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 85.013.110.033                | 86.241.766.153                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 58.383.913.632                | 64.943.241.097                |
| Chi phí khác                     | 51.951.273.391                | 57.009.064.648                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>317.474.924.068</u></b> | <b><u>389.550.226.101</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty vay ông Nguyễn Ngọc Minh theo Hợp đồng vay số 01 ngày 29 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 939.421.800 VND để cá nhân này đi giải quyết công việc cho Công ty mà không thu bằng tiền mặt.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|             | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương  | 2.502.397.477               | 2.137.837.285               |
| Thù lao     | 93.737.066                  | 108.000.000                 |
| <b>Cộng</b> | <b><u>2.596.134.543</u></b> | <b><u>2.245.837.285</u></b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                    | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam               | Công ty mẹ         |
| Công ty TNHH Một thành viên Inlaco Logistics | Công ty con        |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty chỉ phát sinh thêm giao dịch trả cổ tức cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với số tiền 4.692.000.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.14 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoài khoản công nợ phải thu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với số tiền là 43.191.340 VND đã được lập dự phòng 100%, không còn khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là dịch vụ cho thuê tàu và vận tải biển (chiếm hơn 85% tổng doanh thu).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**3. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Ngoài ra, Công ty cũng điều chỉnh số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo kết quả của Báo cáo kiểm toán Nhà nước ngày 08 tháng 9 năm 2015.

Việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh số liệu theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

|   | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh  | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|--------------------------|-----------------|------------------------|---------|
| <b><i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i></b> |                          |                 |                        |         |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 12.340.471.403           | (32.841.169)    | 12.307.630.234         | (i)     |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn            | 456.831.406              | 172.106.490     | 628.937.896            | (i)     |
| Phải thu ngắn hạn khác                      | 2.186.786.770            | 5.374.659.889   | 7.561.446.659          | (ii)    |
| Hàng tồn kho                                | 8.742.279.264            | 6.206.000       | 8.748.485.264          | (i)     |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 5.303.975.718            | (1.006.523.173) | 4.297.452.545          | (i)     |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 503.994.410              | (351.078.594)   | 152.915.816            | (i)     |
| Tài sản ngắn hạn khác                       | 2.838.794.529            | (2.838.794.529) | -                      | (iii)   |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | -                        | 52.556.750      | 52.556.750             | (i)     |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 18.218.410.000           | (70.000.000)    | 18.148.410.000         | (iv)    |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | (9.316.793.800)          | (1.335.238.300) | (10.652.032.100)       | (i)     |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             | -                        | 70.000.000      | 70.000.000             | (iv)    |
| Phải trả người bán ngắn hạn                 | 73.874.546.358           | 169.965.990     | 74.044.512.348         | (i)     |
| Phải trả người lao động                     | 13.359.842.959           | (541.801.014)   | 12.818.041.945         | (i)     |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 227.682.319.452          | (842.297.358)   | 226.840.022.094        | (i)     |
| Phải trả ngắn hạn khác                      | 50.260.227.322           | 4.113.415.779   | 54.373.643.101         | (i)     |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | (234.390.662.087)        | (2.858.230.033) | (237.248.892.120)      | (v)     |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

|   | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh  | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|--------------------------|-----------------|------------------------|---------|
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</b>  |                          |                 |                        |         |
| Giá vốn hàng bán  | 367.393.002.783          | 8.677.422       | 367.401.680.205        | (i)     |
| Chi phí tài chính   | 56.262.416.651           | 1.323.524.851   | 57.585.941.502         | (i)     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 17.613.999.085           | (1.749.948.049) | 15.864.051.036         | (i)     |
| Thu nhập khác   | 26.311.095.244           | (1.669.426.080) | 24.641.669.164         | (vi)    |
| Chi phí khác  | 4.283.852.843            | (3.085.450.271) | 1.198.402.572          | (vii)   |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | (80.310.529.326)         | 1.833.769.967   | (78.476.759.359)       | (i)     |
| (i) Thay đổi do điều chỉnh số liệu theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước.   |                          |                 |                        |         |
| (ii) Phải thu ngắn hạn khác   |                          |                 |                        |         |
| Các điều chỉnh bao gồm:   |                          |                 |                        |         |
| Trình bày lại khoản tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn từ khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” sang khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”   |                          |                 | 2.838.794.529          |         |
| Điều chỉnh theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước  |                          |                 | 2.535.865.360          |         |
| <b>Cộng</b>   |                          |                 | <b>5.374.659.889</b>   |         |
| (iii) Thay đổi do trình bày lại khoản tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn từ khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” sang khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.  |                          |                 |                        |         |
| (iv) Thay đổi do trình bày lại khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc Gia từ khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” sang khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.   |                          |                 |                        |         |
| (v) Thay đổi do điều chỉnh số liệu theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước. Trong đó, Kiểm toán Nhà nước đã yêu cầu Công ty trích cổ tức phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với số tiền là 4.692.000.000 VND.  |                          |                 |                        |         |
| (vi) Thu nhập khác  |                          |                 |                        |         |
| Các điều chỉnh bao gồm:   |                          |                 |                        |         |
| Cản trừ thu thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý tài sản cố định  |                          |                 | (3.032.893.521)        |         |
| Điều chỉnh theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước  |                          |                 | 1.363.467.441          |         |
| <b>Cộng</b>   |                          |                 | <b>(1.669.426.080)</b> |         |
| (vii) Chi phí khác  |                          |                 |                        |         |
| Các điều chỉnh bao gồm:   |                          |                 |                        |         |
| Cản trừ thu thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý tài sản cố định  |                          |                 | (3.032.893.521)        |         |
| Điều chỉnh theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước  |                          |                 | (52.556.750)           |         |
| <b>Cộng</b>   |                          |                 | <b>(3.085.450.271)</b> |         |
| <b>4. Quản lý rủi ro tài chính</b>  |                          |                 |                        |         |
| Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. |                          |                 |                        |         |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**4a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiệm người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|   | <b>Chưa quá hạn<br/>hoặc chưa bị<br/>giảm giá</b> | <b>Đã quá hạn<br/>và/hoặc bị<br/>giảm giá</b> | <b>Cộng</b>           |
|---|---|---|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                        |   |   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 53.091.703.274                                    | -   | 53.091.703.274        |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 70.000.000  | -   | 70.000.000            |
| Phải thu khách hàng                       | 4.657.008.208                                     | 1.359.297.870                                 | 6.016.306.078         |
| Các khoản phải thu khác                   | 9.203.292.865                                     | -   | 9.203.292.865         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         |   | 18.148.410.000                                | 18.148.410.000        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>67.022.004.347</b>                             | <b>19.507.707.870</b>                         | <b>86.529.712.217</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                         |   |   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 29.441.446.632                                    | -   | 29.441.446.632        |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 70.000.000  | -   | 70.000.000            |
| Phải thu khách hàng                       | 10.948.332.364                                    | 1.359.297.870                                 | 12.307.630.234        |
| Các khoản phải thu khác                   | 5.747.752.130                                     | -   | 5.747.752.130         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 1.000.000.000                                     | 17.148.410.000                                | 18.148.410.000        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>47.207.531.126</b>                             | <b>18.507.707.870</b>                         | <b>65.715.238.996</b> |

**4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u>      | <u>Cộng</u>              |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                           |                             |                        |                          |
| Phải trả người bán      | 74.027.137.813            | -                           | -                      | 74.027.137.813           |
| Vay                     | 225.574.400.000           | 383.499.898.880             | 78.928.000.000         | 688.002.298.880          |
| Các khoản phải trả khác | 325.418.900.223           | -                           | -                      | 325.418.900.223          |
| <b>Cộng</b>             | <b>625.020.438.036</b>    | <b>383.499.898.880</b>      | <b>78.928.000.000</b>  | <b>1.087.448.336.916</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                           |                             |                        |                          |
| Phải trả người bán      | 74.044.512.348            | -                           | -                      | 74.044.512.348           |
| Vay                     | 158.899.820.000           | 431.801.216.640             | 124.274.500.000        | 714.975.536.640          |
| Các khoản phải trả khác | 274.807.410.988           | -                           | -                      | 274.807.410.988          |
| <b>Cộng</b>             | <b>507.751.743.336</b>    | <b>431.801.216.640</b>      | <b>124.274.500.000</b> | <b>1.063.827.459.976</b> |

Hiện Công ty đang gặp khó khăn về luồng tiền nên khó có khả năng thanh toán được nợ vay.

**4c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có mua nhiên liệu phục vụ cho vận hành đội tàu với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

|  | Số cuối năm           |                       |                   | Số đầu năm             |                    |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|
|  | USD                   | JPY                   | SGD               | USD                    | JPY                | SGD                   |
| Tiền và các khoản<br>trương đương tiền       | 2.147.167,65          | -                     | -                 | 1.296.531,17           | -                  | -                     |
| Phải thu khách hàng                          | 85.474,68             | -                     | -                 | 414.937,42             | -                  | -                     |
| Vay và nợ                                    | (8.759.472,00)        | -                     | -                 | (10.365.472,00)        | -                  | -                     |
| Phải trả người bán                           | (401.521,99)          | (6.502.180,00)        | (5.487,95)        | (241.617,68)           | (28.056,80)        | (9.808.380,00)        |
| Các khoản phải trả khác                      | (1.870.615,44)        | -                     | -                 | (1.498.337,98)         | -                  | -                     |
| <b>Nợ phải trả thuần có<br/>gốc ngoại tệ</b> | <b>(8.798.967,10)</b> | <b>(6.502.180,00)</b> | <b>(5.487,95)</b> | <b>(10.393.959,07)</b> | <b>(28.056,80)</b> | <b>(9.808.380,00)</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm/tăng 3.966.574.369 VND (năm trước giảm/tăng 4.442.565.744 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND và JPY, SGD là không đáng kể do số dư gốc ngoại tệ nhỏ.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 8.759.472,00 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.365.472,00 USD).

Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 1.974.384.989 VND (năm trước giảm/tăng 2.215.101.366 VND).

*Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**4d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 – 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|   | Số cuối năm           |                         | Số đầu năm            |                         |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|   | Giá gốc               | Dự phòng                | Giá gốc               | Dự phòng                |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 53.091.703.274        | -                       | 29.441.446.632        | -                       |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 70.000.000            | -                       | 70.000.000            | -                       |
| Phải thu khách hàng                       | 6.016.306.078         | (1.359.297.870)         | 12.307.630.234        | (1.359.297.870)         |
| Các khoản phải thu khác                   | 9.203.292.865         | -                       | 5.747.752.130         | -                       |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 18.148.410.000        | (10.157.940.100)        | 18.148.410.000        | (10.652.032.100)        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>86.529.712.217</b> | <b>(11.517.237.970)</b> | <b>65.715.238.996</b> | <b>(12.011.329.970)</b> |

**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán      | 74.027.137.813           | 74.044.512.348           |
| Vay                     | 688.002.298.880          | 714.975.536.640          |
| Các khoản phải trả khác | 325.418.900.223          | 274.807.410.988          |
| <b>Cộng</b>             | <b>1.087.448.336.916</b> | <b>1.063.827.459.976</b> |

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 76.430.685.944 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 318.187.578.064 VND vượt vốn góp của chủ sở hữu là 225.164.200.267 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 556.153.375.032 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

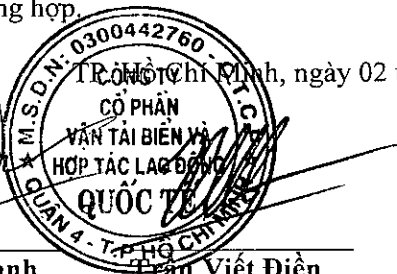
Tuy nhiên, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các ngân hàng đang xem xét hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách không yêu cầu Công ty hoàn trả ngay các khoản nợ đến hạn cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Viết Điền  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36-38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Năm nay   | Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải |          | Các lĩnh vực khác     |          | Các khoản loại trừ |          | Cộng                    |
|---|-------------------------------|----------|-----------------------|----------|--------------------|----------|-------------------------|
|   |                               |          |                       |          |                    |          |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 259.302.259.489               | -        | 43.214.581.751        | -        | -                  | -        | 302.516.841.240         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | -                       |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>259.302.259.489</b>        | <b>-</b> | <b>43.214.581.751</b> | <b>-</b> | <b>-</b>           | <b>-</b> | <b>302.516.841.240</b>  |
| Chi phí bộ phận   | (291.668.007.203)             | -        | (25.806.916.865)      | -        | -                  | -        | (317.474.924.068)       |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (32.365.747.714)              | -        | 17.407.664.886        | -        | -                  | -        | (14.958.082.828)        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | -                       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | (14.958.082.828)        |
| Chi phí tài chính   | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | 4.532.397.375           |
| Thu nhập khác   | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | (65.945.808.740)        |
| Chi phí khác  | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | 620.589.317             |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | (679.781.068)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | -                             | -        | -                     | -        | -                  | -        | -                       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>-</b>                      | <b>-</b> | <b>-</b>              | <b>-</b> | <b>-</b>           | <b>-</b> | <b>(76.430.685.944)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>19.330.367.310</b>         | <b>-</b> | <b>86.174.542</b>     | <b>-</b> | <b>-</b>           | <b>-</b> | <b>19.416.541.852</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>108.386.684.900</b>        | <b>-</b> | <b>1.275.540.879</b>  | <b>-</b> | <b>-</b>           | <b>-</b> | <b>109.662.225.779</b>  |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>                      | <b>-</b> | <b>-</b>              | <b>-</b> | <b>-</b>           | <b>-</b> | <b>-</b>                |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36-38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

|   | Dịch vụ cho thuê tàu,<br>vận tải |  | Các lĩnh vực khác     | Các khoản loại trừ | Cộng                    |
|---|----------------------------------|--|-----------------------|--------------------|-------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                                  |  |                       |                    |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 302.662.997.270                  |  | 39.774.919.254        | -                  | 342.437.916.524         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                                |  | -                     | -                  | -                       |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>302.662.997.270</b>           |  | <b>39.774.919.254</b> | -                  | <b>342.437.916.524</b>  |
| Chi phí bộ phận   | (358.739.344.278)                |  | (30.810.881.823)      | -                  | (389.550.226.101)       |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (56.076.347.008)                 |  | 8.964.037.431         | -                  | (47.112.309.577)        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                                  |  |                       |                    | (47.112.309.577)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                                  |  |                       |                    | 2.778.225.128           |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                                  |  |                       |                    | (57.585.941.502)        |
| Chi phí tài chính   |                                  |  |                       |                    | 24.641.669.164          |
| Thu nhập khác   |                                  |  |                       |                    | (1.198.402.572)         |
| Chi phí khác  |                                  |  |                       |                    | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                                  |  |                       |                    | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                                  |  |                       |                    | -                       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                                  |  |                       |                    | <b>(78.476.759.359)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>37.539.114.045</b>            |  | <b>239.520.165</b>    | -                  | <b>37.778.634.210</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>110.712.337.391</b>           |  | <b>1.306.499.583</b>  | -                  | <b>112.018.836.974</b>  |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | -                                |  | -                     | -                  | -                       |

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36-38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

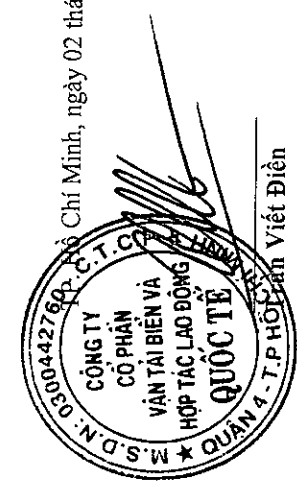
|  | Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng                     |
|--|-------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                               |                   |                    |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 779.507.462.363               | 28.496.664.733    | -                  | 808.004.127.096          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                               |                   |                    | 78.558.319.691           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                               |                   |                    | <b>886.562.446.787</b>   |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 1.084.968.173.142             | -                 | -                  | 1.084.968.173.142        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                               |                   |                    | 26.758.473.912           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                               |                   |                    | <b>1.111.726.647.054</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                               |                   |                    |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 863.443.798.518               | 30.411.749.508    | -                  | 893.855.548.026          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                               |                   |                    | 54.806.049.472           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                               |                   |                    | <b>948.661.597.498</b>   |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 1.050.455.393.405             | -                 | -                  | 1.050.455.393.405        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                               |                   |                    | 42.431.718.416           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                               |                   |                    | <b>1.092.887.111.821</b> |

*Nguyễn Thị Kim Oanh*

Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Oanh*

Nguyễn Thị Thu Oanh  
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

